

MÔ HÌNH Z-SCORE (ALTMAN)

Mô hình hệ số Z-Score của Altman (1968) được tính toán dựa trên 5 biến, là kết hợp trọng số của các chỉ tiêu tài chính để đánh giá rủi ro phá sản của doanh nghiệp.

Ngày	27,700 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	14.9%	12.7%	15.3%

Hệ số nguy cơ phá sản	2.82
Z - score (sản xuất)	(Baa2)
2023	Cảnh báo

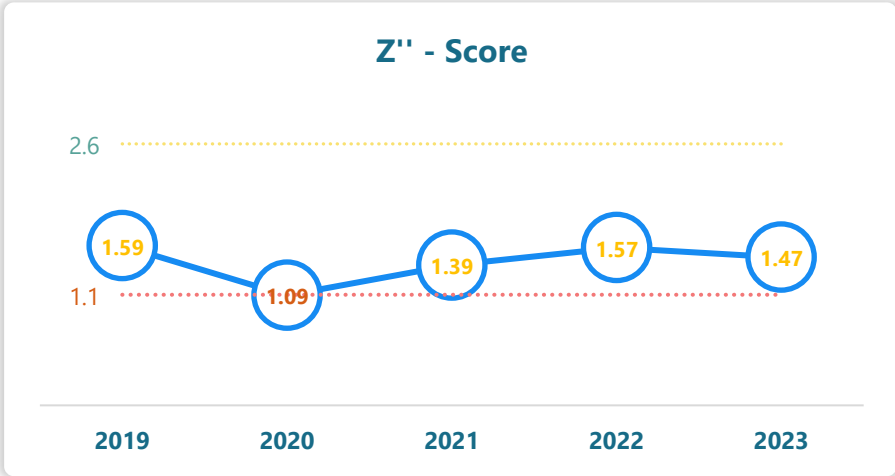
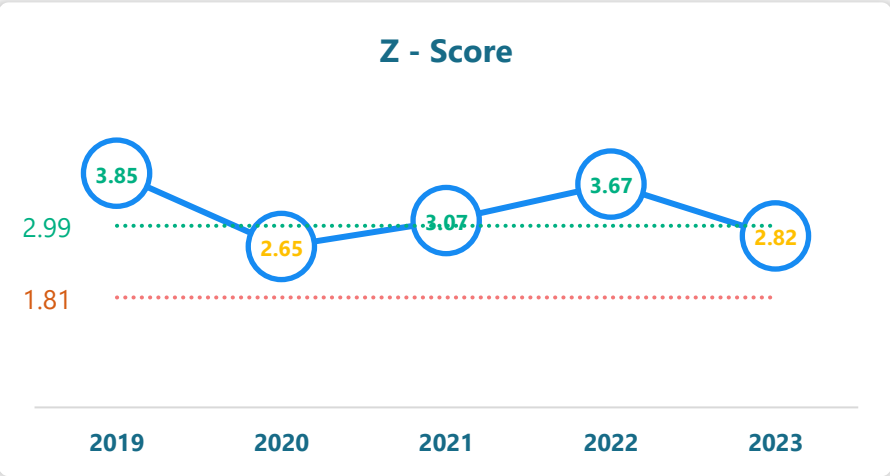
Hệ số nguy cơ phá sản	1.47
Z'' - score (phi sản xuất)	(B1)
2023	Cảnh báo

DT thuần	2023	YoY
5,677		▼ 1,144
tỷ VNĐ		▼ 16.8%

LN sau thuế	2023	YoY
106		▲ 7.10
tỷ VNĐ		▲ 7.4%

ROE	2023	+/- YoY
10.5%		▲ 0.7%

ROA	2023
4.1%	



Xét với doanh nghiệp sản xuất: Với Z-Score là 2.82 cao hơn 1.81 và thấp hơn 2.99, cho thấy PGS có dấu hiệu của tình trạng tài chính không ổn định, có mức độ rủi ro phá sản tương đối cao.

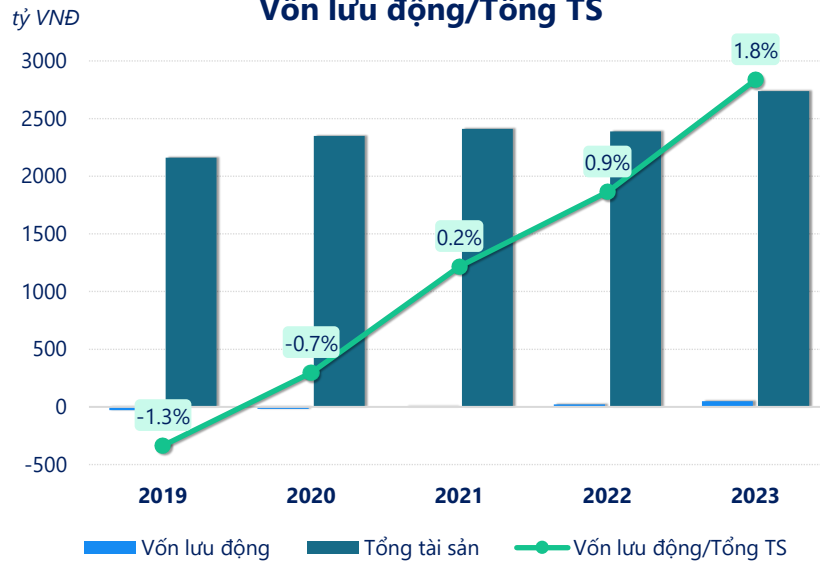
Xét với doanh nghiệp phi sản xuất: Với Z''-Score là 1.47 cao hơn 1.1 và thấp hơn 2.6, cho thấy PGS có dấu hiệu của tình trạng tài chính không ổn định, có mức độ rủi ro phá sản tương đối cao.

Năm 2023, PGS ghi nhận doanh thu thuần 5,677 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 106.2 tỷ đồng, lần lượt giảm 16.8% và tăng 7.39% so với năm trước.

Mặc dù doanh thu thuần sụt giảm nhưng công ty vẫn đảm bảo sự tăng trưởng lợi nhuận sau thuế cùng với ROE đạt 10.5%. Cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty được tối ưu.

CTCP Kinh doanh Khí Miền Nam (HNX: PGS)

Vốn lưu động/Tổng TS

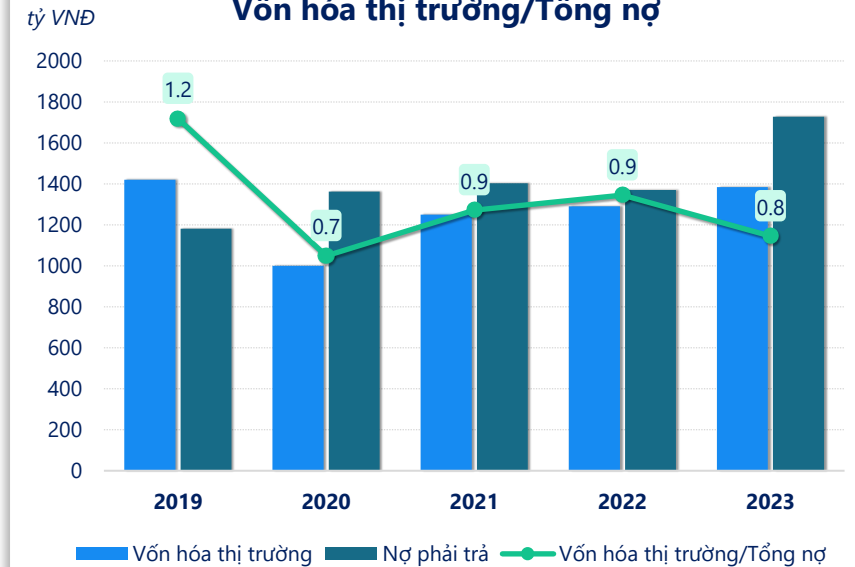


Vốn lưu động > 0 và tăng so với năm trước cho thấy công ty có khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn khá tốt. Cần đánh giá thêm về tỷ lệ vốn lưu động/tổng tài sản, nếu tỷ lệ này thấp có thể gợi ý rằng công ty phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn dài hạn để duy trì hoạt động kinh doanh.

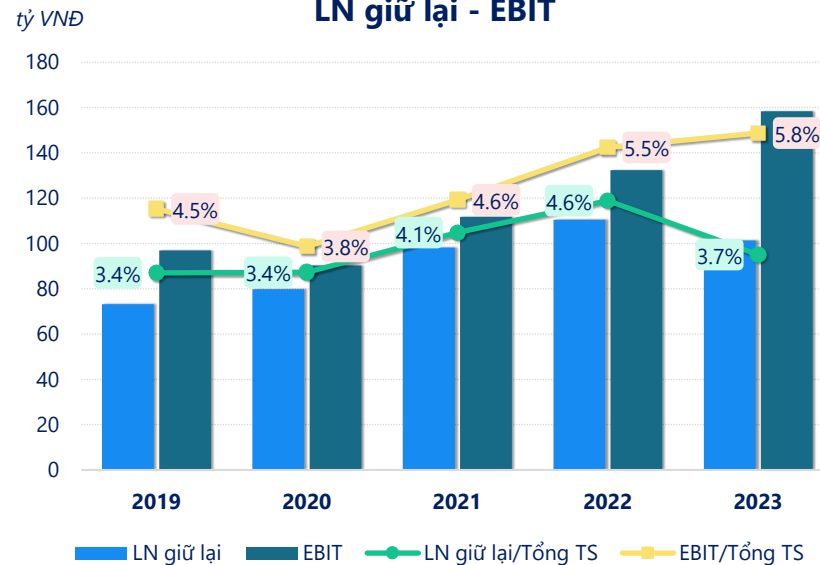
Tỷ lệ vốn hóa thị trường so với tổng nợ dưới 1 có thể cho thấy công ty đang gặp phải một số thách thức trong việc tạo ra giá trị cho cổ đông hoặc chưa thực sự quản lý nợ một cách hiệu quả.

Tóm lại, tùy thuộc loại hình doanh nghiệp sản xuất hoặc phi sản xuất để sử dụng mô hình Z-Score hoặc Z'-Score. Trong đó phải phân tích từng chỉ tiêu của mô hình để có cái nhìn tổng quan về sức khỏe tài chính của một doanh nghiệp. Qua đó đánh giá khả năng trả nợ và phá sản của doanh nghiệp đó.

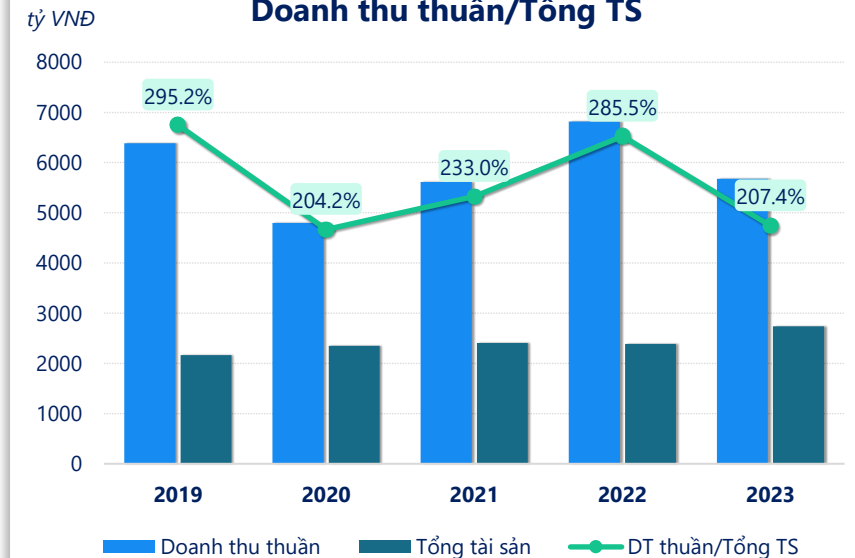
Vốn hóa thị trường/Tổng nợ



LN giữ lại - EBIT



Doanh thu thuần/Tổng TS



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	2,737	2,389	14.5%
Tài sản ngắn hạn	1,578	1,161	35.9%
Tiền và tương đương tiền	761	331	130%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	58.5	38.0	54.0%
Phải thu ngắn hạn	620	605	2.6%
Hàng tồn kho	91.1	131	-30.2%
Tài sản ngắn hạn khác	46.6	56.9	-18.2%
Tài sản dài hạn	1,159	1,228	-5.6%
Phải thu dài hạn	3.53	3.45	2.3%
Tài sản cố định	383	390	-2.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	82.0	62.0	32.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	691	773	-10.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,727	1,370	26.0%
Nợ ngắn hạn	1,528	1,140	34.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	565	269	110%
Phải trả người bán ngắn hạn	698	695	0.5%
Nợ dài hạn	200	230	-13.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	21.8	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,010	1,019	-0.9%
Vốn chủ sở hữu	1,010	1,019	-0.9%
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	6,383	4,801	5,615	6,821	5,677
Giá vốn hàng bán	5,307	3,936	4,840	5,973	4,792
Lợi nhuận gộp	1,075	865	775	847	885
Doanh thu HĐTC	5.40	1.01	4.30	10.6	10.4
Chi phí TC	3.72	17.6	12.2	10.4	12.8
Chi phí lãi vay	3.70	17.6	12.1	8.22	12.8
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	912	705	595	633	656
Chi phí QLDN	74.9	72.0	73.4	96.1	86.5
LN thuần từ HĐKD	90.4	71.0	98.0	119	141
Lợi nhuận khác	2.83	1.67	1.67	5.39	5.07
LN trước thuế	93.2	72.6	99.7	124	146
Lợi nhuận sau thuế	74.3	56.8	79.2	98.9	106
LNST của CĐ cty mẹ	74.3	56.8	79.2	98.9	106

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-421	-49.7	654	-172	325
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-14.6	-37.8	-52.6	-85.3	-93.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	218	241	-546	167	199
Tiền đầu kỳ	430	212	366	421	331
Lưu chuyển tiền thuần	-217	154	55.3	-90.2	430
Ảnh hưởng tỷ giá	0.08	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	212	366	421	331	761